

Số: 172/2021/NQ-HĐND

Hưng Yên, ngày 08 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 277/2020/NQ-HĐND
ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ NĂM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 22 tháng 11 năm 2019;

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 38/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 4
năm 2006 về Bảo vệ dân phố; số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009
quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã; số
92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 về chức danh, số lượng, một số chế
độ, chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và những người
hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4
năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức
cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; ở thôn, tổ dân phố; số
72/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 quy định chi tiết một số điều của
Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối
với Dân quân tự vệ;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 02/2007/TTLT-BCA-BLĐT BXH-BTC ngày 01
tháng 3 năm 2007 của Liên Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,
Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng
4 năm 2006 của Chính phủ về Bảo vệ dân phố;*

*Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ
trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và
người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;*

*Xét Tờ trình số 255/TTr-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Ủy
ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của
Nghị quyết số 277/2020/NQ-HĐND ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng
nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 949/BC-BPC ngày 03 tháng 12 năm 2021
của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu
quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 277/2020/NQ-HĐND ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và tiêu chuẩn chung của người đảm nhiệm các chức danh

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chức danh, số lượng và một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn (xã, phường, thị trấn sau đây gọi chung là cấp xã), ở thôn, tổ dân phố; người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố, lực lượng Bảo vệ dân phố và mức khoán kinh phí hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, bao gồm:

a) Quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp của từng chức danh, tổng mức khoán quỹ phụ cấp, phụ cấp kiêm nhiệm chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố;

b) Quy định chức danh, số lượng, mức bồi dưỡng của từng chức danh, tổng mức bồi dưỡng của các chức danh, mức bồi dưỡng kiêm nhiệm chức danh đối với người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố;

c) Quy định chức danh, mức chi đối với lực lượng Bảo vệ dân phố theo Nghị định số 38/2006/NĐ-CP của Chính phủ;

d) Quy định cụ thể mức khoán kinh phí hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã.

2. Đối tượng áp dụng

a) Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

b) Người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố;

c) Lực lượng Bảo vệ dân phố;

d) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; Ban Công tác mặt trận và Chi hội đoàn thể ở thôn, tổ dân phố.

3. Tiêu chuẩn đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố và lực lượng bảo vệ dân phố.

a) Là công dân Việt Nam, đủ 18 tuổi trở lên; có lý lịch rõ ràng; có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Hưng Yên và cư trú thường xuyên tại địa phương nơi mình tham gia công tác;

b) Cá nhân và gia đình chấp hành tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và quy định của địa phương;

c) Có đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ; nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm, có năng lực công tác đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao;

d) Am hiểu và tôn trọng phong tục, tập quán của cộng đồng dân cư trên địa bàn công tác;

đ) Đáp ứng các tiêu chuẩn về trình độ văn hóa, chuyên môn, lý luận chính trị và các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của từng ngành, lĩnh vực, vị trí chức danh đảm nhiệm

e) Ưu tiên người có trình độ đại học, cao đẳng; thanh niên xuất ngũ có bằng cấp, chứng chỉ chuyên môn phù hợp; người được cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc thôn đề cử.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 như sau:

“Điều 2. Quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

1. Chức danh, mức phụ cấp

Mỗi đơn vị hành chính cấp xã có 21 chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và hưởng mức phụ cấp hàng tháng theo quyết định phân loại đơn vị hành chính cấp xã, cụ thể:

STT	Chức danh	Mức phụ cấp hàng tháng		
		Xã loại 1	Xã loại 2	Xã loại 3
1	Trưởng ban Tổ chức Đảng	0,3	0,3	0,2
2	Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy	0,3	0,3	0,2
3	Trưởng ban Tuyên giáo	0,3	0,3	0,2
4	Trưởng khối Dân vận	0,3	0,3	0,2
5	Trưởng Đài truyền thanh	0,5	0,4	0,25
6	Trưởng ban Thanh tra nhân dân	0,4	0,3	0,2
7	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ	0,5	0,4	0,3
8	Chủ tịch Hội Người cao tuổi	0,9	0,8	0,8
9	Phó Chỉ huy trưởng Quân sự (bổ trí 02 người tại cấp xã loại 1)	2,0/02 người	1,3	1,2
10	Phó Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy	1,3	1,2	1,1
11	Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ	0,9	0,75	0,65
12	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ (phụ trách thêm nhiệm vụ về trẻ em)	0,9	0,75	0,65
13	Phó Chủ tịch Hội Nông dân	0,9	0,75	0,65
14	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	0,9	0,75	0,65
15	Phó Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	0,9	0,75	0,65
16	Phó Chủ tịch Hội Người cao tuổi	0,5	0,4	0,35
17	Nhân viên Thú y - Khuyến nông	1,2	1,2	1,05
18	Nhân viên Văn phòng Đảng ủy	1,3	1,2	1,1
19	Nhân viên Thủ quỹ - Văn thư, lưu trữ	0,4	0,3	0,2
20	Ủy viên UBKT Đảng ủy (hệ số phụ cấp/tổng số Ủy viên UBKT)	0,9	0,9	0,6
21	Nhân viên đài truyền thanh	0,4	0,35	0,2
Tổng cộng:		16,0	13,7	11,4

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Điều 4. Quy định chức danh, mức bồi dưỡng, số lượng người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố và lực lượng Bảo vệ dân phố

1. Quy định chức danh, mức bồi dưỡng, số lượng người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố

a) Mỗi thôn, tổ dân phố có 11 chức danh người trực tiếp tham gia công việc, mức bồi dưỡng hàng tháng cho từng chức danh và tổng mức bồi dưỡng tối đa một tháng đối với người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố, cụ thể như sau:

STT	Chức danh công việc	Mức bồi dưỡng hàng tháng		
		Thôn, tổ dân phố dưới 350 hộ gia đình	Thôn, tổ dân phố từ 350 đến 500 hộ gia đình	Thôn, tổ dân phố trên 500 hộ gia đình
1	Phó Trưởng thôn, Tổ phó Tổ dân phố	1,0	1,0	1,1
2	Phó Bí thư chi bộ	1,0	1,0	1,1
3	Công an viên ở thôn thuộc các xã	1,0	1,0	1,0
4	Thôn đội trưởng	0,6	0,6	0,6
5	Nhân viên Y tế thôn, tổ dân phố	0,3	0,3	0,35
6	Chi hội trưởng Hội Nông dân (ở những thôn có đất nông nghiệp)	0,3	0,35	0,4
7	Chi hội trưởng Hội người cao tuổi	0,3	0,35	0,4
8	Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh	0,3	0,35	0,4
9	Chi hội trưởng Hội Liên hiệp PN	0,3	0,35	0,4
10	Bí thư chi đoàn	0,3	0,35	0,4
11	Chi hội trưởng Hội chữ thập đỏ	0,3	0,3	0,35
Tổng cộng: 11 chức danh		5,7	5,95	6,5

b) Số lượng người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố đảm nhiệm các chức danh công việc nêu tại điểm a khoản 1 Điều này như sau:

Thôn, tổ dân phố dưới 350 hộ gia đình được bố trí tối đa 05 người;

Thôn, tổ dân phố từ 350 đến 500 hộ gia đình được bố trí tối đa 06 người;

Thôn, tổ dân phố trên 500 hộ gia đình được bố trí tối đa 07 người.

2. Quy định chức danh, mức chi đối với lực lượng Bảo vệ dân phố

a) Lực lượng Bảo vệ dân phố được bố trí tại các phường, thị trấn và các cụm dân cư thuộc phường, thị trấn.

Mỗi phường, thị trấn được thành lập 01 Ban Bảo vệ dân phố, gồm Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các ủy viên. Mỗi cụm dân cư thuộc phường, thị trấn có Tổ bảo vệ dân phố. Ủy viên Ban Bảo vệ dân phố đồng thời là Tổ trưởng Tổ

Bảo vệ dân phố ở các cụm dân cư. Mỗi Ban, Tổ bảo vệ dân phố được bố trí tối đa 02 người.

b) Mức chi hàng tháng đối với Trưởng ban, Phó Trưởng ban Bảo vệ dân phố thuộc phường, thị trấn theo phân loại phường, thị trấn như sau:

STT	Chức danh	Mức chi hàng tháng		
		Phường, thị trấn loại 1	Phường, thị trấn loại 2	Phường, thị trấn loại 3
1	Trưởng Ban bảo vệ dân phố	0,8	0,7	0,7
2	Phó Trưởng Ban bảo vệ dân phố	0,7	0,6	0,6
Tổng cộng:		1,5	1,3	1,3

c) Mức chi hàng tháng đối với Tổ trưởng, Tổ viên Bảo vệ dân phố thuộc cụm dân cư như sau:

STT	Chức danh	Mức chi hàng tháng
1	Tổ trưởng Bảo vệ dân phố	0,55
2	Tổ viên Bảo vệ dân phố	0,5
Tổng cộng:		1,05

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

“Điều 5. Kinh phí hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; Ban Công tác mặt trận và chi hội đoàn thể ở thôn, tổ dân phố

1. Thực hiện khoán kinh phí hoạt động đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân và Hội Cựu chiến binh ở cấp xã không thấp hơn 12.000.000đ/tổ chức/năm.

2. Kinh phí hoạt động đối với Ban Công tác mặt trận và các chi hội đoàn thể chính trị - xã hội ở thôn, tổ dân phố do Ủy ban nhân dân cấp xã bố trí trong định mức chi hoạt động thường xuyên cấp xã; phù hợp với khả năng ngân sách và tình hình yêu cầu nhiệm vụ thực tế hoạt động tại địa phương theo quy định.”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

“Điều 6. Kiểm nhiệm chức danh và mức phụ cấp (mức bồi dưỡng) kiêm nhiệm chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố và lực lượng Bảo vệ dân phố

1. Về thẩm quyền bố trí kiêm nhiệm, số chức danh kiêm nhiệm

Căn cứ vào tình hình thực tế công việc, tính chất đặc thù của từng nhiệm vụ và nguồn nhân sự tại địa phương; Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng phương án bố trí, sắp xếp, phân công nhiệm vụ công tác và bố trí kiêm nhiệm chức danh đối

với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố, người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố và lực lượng Bảo vệ dân phố; báo cáo Ban Thường vụ, cấp ủy cùng cấp, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt theo quy định.

Quyết định phân công của Ủy ban nhân dân cấp xã phải ghi cụ thể chức danh được phân công đảm nhiệm, chức danh kiêm nhiệm thứ nhất, chức danh kiêm nhiệm thứ hai.

Việc phân công nhiệm vụ công tác và việc bố trí kiêm nhiệm chức danh phải bảo đảm các lĩnh vực công tác ở địa phương đều có người đảm nhiệm; người kiêm nhiệm các chức danh phải có tính tương đồng, phù hợp với chuyên môn, năng lực công tác; việc bố trí kiêm nhiệm phải đảm bảo cân đối mức thu nhập với số lượng người làm việc tối đa của địa phương; cụ thể số lượng, chức danh kiêm nhiệm như sau:

a) Cán bộ, công chức cấp xã: được kiêm nhiệm không quá 02 chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

b) Các đối tượng quy định tại Nghị quyết này được kiêm nhiệm không quá 02 chức danh khác (trong Nghị quyết này).

2. Mức và thời điểm hưởng phụ cấp (bồi dưỡng) kiêm nhiệm

a) Cán bộ, công chức cấp xã được bố trí kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 100% mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm thứ nhất; chức danh kiêm nhiệm thứ hai được hưởng phụ cấp bằng 70% mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm.

b) Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố được bố trí kiêm nhiệm các chức danh khác (quy định trong Nghị quyết này) được hưởng phụ cấp (bồi dưỡng) bằng 100% mức phụ cấp (mức bồi dưỡng) của chức danh kiêm nhiệm thứ nhất; chức danh kiêm nhiệm thứ hai được hưởng phụ cấp (bồi dưỡng) bằng 70% mức phụ cấp (mức bồi dưỡng) của chức danh kiêm nhiệm.

c) Người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố; lực lượng Bảo vệ dân phố được bố trí kiêm nhiệm các chức danh khác (quy định trong Nghị quyết này), được hưởng mức phụ cấp (bồi dưỡng) bằng 100% của các chức danh kiêm nhiệm.

d) Phụ cấp kiêm nhiệm chức danh không dùng để đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế.

3. Về sử dụng quỹ phụ cấp, quỹ bồi dưỡng khi kết dư

Kết thúc niên độ ngân sách năm, trường hợp quỹ phụ cấp theo mức khoán trên còn dư, thì được bổ sung thu nhập tăng thêm cho người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; người trực tiếp tham gia công việc ở

thôn, tổ dân phố và lực lượng Bảo vệ dân phố. Việc xem xét bổ sung thu nhập tăng thêm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định.”

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

“Điều 7. Một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã; thôn, tổ dân phố; người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố và lực lượng Bảo vệ dân phố

1. Chế độ, chính sách hỗ trợ khi nghỉ công tác

a) Trường hợp nghỉ công tác do thực hiện sáp nhập, hợp nhất hoặc dời dư do bố trí, sắp xếp:

Đối với chức danh bầu: hưởng nguyên mức phụ cấp và phụ cấp (bồi dưỡng) kiêm nhiệm chức danh hiện hưởng (nếu có) đến hết nhiệm kỳ;

Đối với các chức danh khác: hưởng 03 tháng phụ cấp (mức bồi dưỡng) và phụ cấp kiêm nhiệm chức danh hiện hưởng.

b) Trường hợp nghỉ công tác vì lý do khác và có thời gian tham gia công tác giữ các chức danh từ 01 năm liên tục trở lên thì được hưởng 03 tháng phụ cấp (mức bồi dưỡng) hiện hưởng (không tính phụ cấp kiêm nhiệm) và tiếp tục được hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm y tế (nếu đang thực hiện) theo quy định cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm mà đối tượng nghỉ công tác.

c) Công an viên có 15 năm công tác liên tục trở lên, nghỉ công tác vì lý do chính đáng thì được hưởng chế độ, chính sách theo quy định tại Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã và không được hưởng chế độ khi nghỉ công tác quy định tại Nghị quyết này.

d) Phó Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã: trường hợp chưa tham gia bảo hiểm xã hội, có thời gian công tác liên tục từ đủ 60 tháng trở lên, khi nghỉ việc thì được trợ cấp một lần theo Luật Dân quân tự vệ số 48/2019/QH14 ngày 22 tháng 11 năm 2019; Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành; không được hưởng chế độ khi nghỉ công tác quy định tại Nghị quyết này.

đ) Không áp dụng chính sách hỗ trợ đối với trường hợp cán bộ, công chức cấp xã thôi kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

2. Chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế

a) Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội bắt buộc; mức đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thực hiện theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội;

b) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố và lực lượng Bảo vệ dân phố được ngân sách hỗ trợ đóng Bảo hiểm y tế hàng tháng bằng 3% mức lương cơ sở khi có nguyện vọng tham gia bảo hiểm y tế.

c) Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã là người đang hưởng chế độ hưu trí hoặc trợ cấp mất sức lao động là đối tượng không phải đóng bảo hiểm xã hội.

3. Chế độ đào tạo, bồi dưỡng

Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; ở thôn, tổ dân phố, người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố; lực lượng bảo vệ dân phố được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ đang đảm nhiệm, chế độ đào tạo, bồi dưỡng thực hiện theo quy định hiện hành.

4. Người tham gia lực lượng không chuyên trách ở cấp xã; ở thôn, tổ dân phố có bằng đại học trở lên và không quá 40 tuổi khi tham gia công tác lần đầu được hỗ trợ thêm hàng tháng 0,5 lần hệ số mức lương cơ sở.

5. Về khen thưởng, kỷ luật

Đối tượng tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 277/2020/NQ-HĐND được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết này hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có thành tích trong công tác được cấp có thẩm quyền biểu dương, khen thưởng theo quy định.

Trường hợp không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm pháp luật thì tùy theo mức độ sai phạm sẽ bị kỷ luật về Đảng (nếu là đảng viên), bãi nhiệm, cho thôi làm nhiệm vụ, chấm dứt hợp đồng làm việc hoặc các quy định khác theo quy định của pháp luật.”

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3 Điều 8 như sau:

“Điều 8. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; lực lượng bảo vệ dân phố, mức khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, thôn, tổ dân phố theo quy định này do ngân sách địa phương bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

3. Mức phụ cấp (mức bồi dưỡng) hàng tháng (bao gồm cả bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế) và phụ cấp (mức bồi dưỡng) kiêm nhiệm chức danh của những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, những người tham gia trực tiếp công việc ở thôn, tổ dân phố; lực lượng Bảo vệ dân phố được tính theo mức lương cơ sở do Nhà nước quy định.”

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh cụ thể hóa việc thực hiện Nghị quyết này đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên khóa XVII, kỳ họp thứ Năm nhất trí thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu thuộc UBTWQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Nội vụ; Tài chính; LĐ, TB&XH;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN huyện, thị xã, thành phố;
- Sở Tư pháp (Cơ sở DLQG về pháp luật);
- Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Trần Quốc Toàn